



Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Trần Văn Hiếu¹, Dương Thị Thu Nga²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường THCS Trần Phú, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 27/9/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 25/11/2024

Ngày nhận đăng: 27/11/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Hoạt động trải nghiệm

Hướng nghiệp

Quản lý

Trung học cơ sở

Huyện Đức Trọng

Tỉnh Lâm Đồng

TÓM TẮT

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) là một hoạt động giáo dục bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong những năm học qua, các trường Trung học cơ sở (THCS) huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã rất coi trọng việc tổ chức HĐTN, HN cho học sinh và đã đạt được những kết quả đáng kể; tuy nhiên, do nhiều lý do chủ quan và khách quan mà hoạt động này chưa đạt được hiệu quả mong muốn, trong đó có những lý do liên quan đến công tác quản lý nhà trường. Bài viết trình bày kết quả khảo sát về thực trạng quản lý HĐTN, HN cho học sinh ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trên các phương diện: quản lý mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, phối hợp lực lượng, điều kiện và quản lý kiểm tra - đánh giá kết quả HĐTN, HN cho HS. Kết quả khảo sát cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc xác lập các biện pháp quản lý phù hợp để nâng cao hiệu quả HĐTN, HN cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

1. MỞ ĐẦU

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Nghị quyết số 88/2014/QH13 về “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” (Quốc Hội, (2014), Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông mới (Bộ GD&ĐT, 2018). Trong CTGDPT 2018, HĐTN, HN là hoạt động giáo dục bắt buộc đối với học sinh (HS) ở các trường THCS. Đối với bậc THCS, mục tiêu của HĐTN, HN nhằm “hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể”. (Bộ GD&ĐT, 2018).

Để triển khai thực hiện HĐTN trong trường học, Bộ GD&ĐT đã tổ chức nhiều Hội thảo và tập huấn cho GV về nội dung chương trình, hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN (Bộ GD&ĐT, 2015). Nhiều bài viết, công trình của nhiều tác giả đã được xuất bản hay đăng tải trên các tạp chí khoa học (Bùi Ngọc Diệp, 2015; Đinh Thị Kim Thoa, 2016; Đỗ Ngọc Thống, 2015; Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Hằng, Tường Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh, 2016; Nguyễn Thị Kim Dung & Nguyễn Thị Hằng, 2014, Nguyễn Quốc Vương & Lê Xuân Quang, 2017).

Thực hiện Thông tư 32/2018 của Bộ GD&ĐT, từ năm học 2020-2021, các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện CTGDPT 2018 từ lớp 6 và tích cực chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện chương trình cho các lớp tiếp theo, trong đó có HĐTN, HN. Bước đầu đã đạt được những thành

Tác giả liên hệ: Trần Văn Hiếu;

Địa chỉ e-mail: tranvanhieus@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.095.2025>

tự đáng kể trên nhiều mặt, chất lượng và hiệu quả giáo dục của HDTN, HN đạt được rất đáng kể. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện HDTN, HN cho HS, các nhà trường đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trên nhiều phương diện, đòi hỏi các cấp quản lý giáo dục cần phải kịp thời tháo gỡ. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm đánh giá những kết quả đạt được, những mặt mạnh, mặt hạn chế của công tác quản lý HDTN, HN cho học sinh ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trên các khía cạnh: quản lý mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, phối hợp lực lượng, điều kiện và quản lý kiểm tra - đánh giá kết quả HDTN, HN cho HS và chỉ ra những nguyên nhân của thực trạng và những khó khăn cần khắc phục, tạo cơ sở cho việc tìm tòi các biện pháp quản lý để từng bước tháo gỡ, nâng cao hiệu quả HDTN, HN cho HS ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT trong giai đoạn hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đánh giá thực trạng quản lý HDTN, HN ở các trường THCS huyện Đức Trọng, chúng tôi chủ yếu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Khách thể khảo sát là 19 CBQL và 101 GV ở 8 trường THCS trên địa bàn nghiên cứu bao gồm 8 trường THCS công lập: THCS Trần Phú, THCS Nguyễn Trãi; THCS Ninh Gia, THCS Phú Hội; THCS Tà Hine, THCS Ninh Loan, THCS Hiệp An, THCS Sơn Trung.

Nội dung khảo sát là các nội dung quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường THCS. Các nội dung khảo sát được đánh giá theo thang Likert 5 bậc với quy ước: 1. *Rất yếu*; 2. *Mức yếu*; 3. *Trung bình*; 4. *Mức khá*; 5. *Mức tốt*. Thang đánh giá theo ĐTB được quy ước như sau: 1,0-1,80: *Không thực hiện*; 1,81- 2,60: *Mức yếu*; 2,61-3,4: *Trung bình*; 3,41-4,20: *Mức khá*; 4,21-5,0: *Mức tốt*. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 theo các tham số: tần suất (%), điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) nhằm đánh giá định lượng kết quả nghiên cứu.

Thời gian khảo sát: khảo sát được thực hiện vào tháng 3 và tháng 4 năm 2024

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV về công tác quản lý mục tiêu HDTN, HN ở các trường THCS

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Rà soát, cập nhật các văn bản của các cấp quản lý về HDTN, HN cho HS	5.0	1.7	30.8	50.0	12.5	3.63	0.76
2	Tổ chức quán triệt cho GV rõ mục tiêu HDTN, HN cho học sinh	18.3	25.8	27.5	19.2	9.2	2.75	1.23
3	Hướng dẫn các bộ phận và GV xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS	15.8	19.2	30.0	19.2	15.8	3.00	1.29
4	Quản lý việc chuẩn bị và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của GV	17.5	13.3	39.2	12.5	17.5	2.99	1.29
5	Tổ chức các buổi tập huấn cho GV về nội dung HDTN, HN	0.0	1.7	36.7	50.0	11.7	3.72	0.53
6	Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS	10.8	15.8	38.3	20.8	14.2	3.12	1.17
7	Xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS	8.3	17.5	36.7	23.3	14.2	3.18	1.14
ĐTB chung							3.20	1.06

Số liệu ở bảng 1 cho thấy CBQL, GV đánh giá công tác quản lý mục tiêu HDTN, HN cho học sinh THCS huyện Đức Trọng khá thấp. Trong 7 nội dung khảo sát, chỉ 02 nội dung được đánh giá đạt mức Khá với ĐTB thấp, còn lại 05 nội dung được đánh giá đạt mức Trung bình với ĐTB chung = 3.20.

Các nội dung được đánh giá mức Khá là: “*Tổ chức các buổi tập huấn cho GV về mục tiêu, nội dung HDTN, HN*” (ĐTB=3.72); “*Rà soát, cập nhật các văn bản của các cấp quản lý về HDTN, HN cho HS*” (ĐTB=3.63). Điều này chứng tỏ rằng, từ khi thực hiện CTGDPT 2018, ngành Giáo dục đã liên tục ra các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức các buổi tập huấn về dạy môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, một nội dung giáo dục mới của chương trình. CBQL đã thực hiện tốt việc cập nhật các văn bản của Bộ, Sở, Phòng GD&ĐT và tạo điều kiện cho GV tham gia các buổi tập huấn chuyên môn, hội thảo, nghiên cứu bài học về HDTN, HN.

Các nội dung quản lý mục tiêu còn lại chưa được chú trọng, được đánh giá mức Trung bình, cụ thể: *Tổ chức quán triệt cho GV rõ mục tiêu hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh* (ĐTB=2.75); “*Quản*

lý việc chuẩn bị và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của GV” (ĐTB= 2.99); “Hướng dẫn các bộ phận và GV xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS” (ĐTB=3.00); “Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS” (ĐTB=3.12) và “Xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS” (ĐTB=3.18). Các nội dung quản lý này hầu hết GV chỉ được bồi dưỡng trong các đợt tập huấn do các cấp tổ chức.

Theo đánh giá của CBQL và GV thì nhiều nội dung khảo sát được đánh giá thực hiện đạt mức Yếu hay Không thực hiện ở tỷ lệ khá cao như: “Tổ chức quán triệt cho GV rõ mục tiêu HĐTN, HN cho học sinh” (41,1%); “Hướng dẫn các bộ phận và GV xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình HĐTN, HN cho HS” (35,0%); “Quản lý việc chuẩn bị và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của GV” (30,8%).

Qua kết quả phân tích, có thể thấy các cấp quản lý các trường THCS trên địa bàn huyện chưa thật sự quan tâm đến việc quản lý mục tiêu HĐTN, HN, việc quản lý chưa thường xuyên, liên tục và chưa có hiệu quả. Rất nhiều nội dung cần tìm ra biện pháp khắc phục hạn chế như quán triệt mục tiêu, nội dung hay hướng dẫn GV xây dựng tiêu chí đánh giá HĐTN, HN.

3.2. Thực trạng quản lý nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 2. CBQL, GV đánh giá công tác quản lý nội dung HĐTN, HN ở các trường THCS

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Chỉ đạo các Tổ chuyên môn và GV xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN cho HS phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường và đặc điểm của HS.	0.0	3.3	46.7	40.8	9.2	3.56	0.55
2	Chỉ đạo các Tổ chuyên môn và GV bám sát yêu cầu, hướng dẫn của Bộ, của Sở, Phòng GD&ĐT trong việc xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN	0.0	5.0	16.7	64.2	14.2	3.88	0.56
3	Bám sát tình hình phát triển kinh tế, xã hội, truyền thống văn hoá, truyền thống cách mạng của địa phương trong việc xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN	8.3	20.0	23.3	36.7	11.7	3.23	1.15
4	Tổ chức quán triệt đến các lực lượng thực hiện nội dung HĐTN, HN	6.7	22.5	23.3	30.8	16.7	3.28	1.18
5	Tổ chức trưng cầu ý kiến về nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	27.5	18.3	24.2	17.5	12.5	2.69	1.37
6	Phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc khai thác thông tin, tư liệu và trí tuệ để tổ chức xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN	35.0	20.8	19.2	16.7	8.3	2.42	1.34
ĐTB chung							3.18	1.03

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy quản lý thực hiện nội dung HĐTN, HN ở các trường THCS huyện Đức Trọng chỉ đạt mức Trung bình với ĐTB chung=3.18, chưa đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trong tất cả 6 nội dung khảo sát chỉ có 2 nội dung được đánh giá thực hiện mức “khá”, đó là “Chỉ đạo các Tổ chuyên môn và GV xây dựng nội dung, chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường và đặc điểm của HS” (ĐTB=3.56) và “Chỉ đạo các Tổ chuyên môn và GV bám sát yêu cầu, hướng dẫn của Bộ, của Sở, Phòng GD&ĐT trong việc xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN” (ĐTB=3.88). Các nội dung còn lại chỉ được đánh giá mức Trung bình, đó là: “Bám sát tình hình phát triển kinh tế, xã hội, truyền thống văn hoá, truyền thống cách mạng của địa phương trong việc xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN” (ĐTB=3.23); “Tổ chức quán triệt đến các lực lượng thực hiện nội dung HĐTN, HN” (ĐTB=3.28); Hai nội dung được đánh giá thấp nhất là: “Tổ chức trưng cầu ý kiến về nội dung HĐTN, HN” (ĐTB=2.69) và “Phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc khai thác thông tin, tư liệu và trí tuệ để tổ chức xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN” (ĐTB=2.42).

Như vậy, qua phân tích số liệu ta thấy việc quản lý nội dung HĐTN, HN ở các trường THCS huyện Đức Trọng còn nhiều hạn chế. CBQL mới chỉ dừng lại ở việc chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình bám sát hướng dẫn của các cấp, đây là các nội dung đã được các cấp quy định trong văn bản. Nhiều lãnh đạo chưa quan tâm nhiều đến việc đi sâu quản lý nội dung HĐTN, HN như phải bám sát tình hình phát triển kinh tế, xã hội, truyền thống văn hoá, truyền thống cách mạng của địa phương; việc tổ chức quán triệt, trưng cầu ý kiến về nội dung HĐTN, HN, phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc khai thác thông tin, tư

liệu và trí tuệ để tổ chức xây dựng nội dung, chương trình HĐTN, HN, làm ảnh hưởng đến kết quả tổ chức HĐTN, HN cho học sinh. Chính vì vậy, đòi hỏi các cấp quản lý cần có biện pháp khắc phục các hạn chế trên để tổ chức HĐTN, HN đạt hiệu quả cao.

3.3. Thực trạng quản lý hình thức, phương pháp hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Bảng 3. CBQL, GV đánh giá thực trạng quản lý hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Chỉ đạo GV lựa chọn và tổ chức thực hiện linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN, HN phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và của địa phương.	0.0	0.0	35.0	57.5	7.5	3.73	0.48
2	Hướng dẫn GV sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	0.0	0.0	30.0	54.2	15.8	3.86	0.48
3	Tổ chức bồi dưỡng cho GV kỹ năng sử dụng phương tiện hiện đại, ứng dụng CNTT trong tổ chức HĐTN, HN	0.0	0.8	16.7	61.7	20.8	4.03	0.46
4	Chỉ đạo GV thực hiện đổi mới phương thức tổ chức HĐTN, HN theo hướng đa dạng hoá và tăng cường tính liên kết giữa nhà trường và cộng đồng	26.7	15.8	24.2	21.7	11.7	2.76	1.37
5	Giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện đổi mới phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	24.2	17.5	22.5	22.5	13.3	2.83	1.37
6	Tổ chức tập huấn cho các lực lượng giáo dục thực hiện các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN	25.0	18.3	22.5	23.3	10.8	2.77	1.35
7	Tăng cường phối hợp với các lực lượng xã hội trong việc đa dạng hoá các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS	23.3	16.7	21.7	25.0	13.3	2.88	1.37
ĐTB chung							3.27	0.98

Thông qua kết quả bảng 3 cho thấy: CBQL, GV đánh giá thực trạng quản lý hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN ở các trường THCS huyện Đức Trọng đạt được mức độ trung bình và Khá với ĐTB dao động từ 2.76 – 4.03. Trong đó, có 03 nội dung quản lý được đánh giá đạt mức Khá là: “*Tổ chức bồi dưỡng cho GV kỹ năng sử dụng phương tiện hiện đại, ứng dụng CNTT trong tổ chức HĐTN, HN*” (ĐTB=4.03); “*Hướng dẫn GV sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN, HN*” (ĐTB=3.86) và “*Chỉ đạo GV lựa chọn và tổ chức thực hiện linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN, HN phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và của địa phương*” (ĐTB=3.73).

Tuy nhiên, các nội dung quản lý khác được đánh giá đạt mức Trung bình với ĐTB thấp như: “*Chỉ đạo GV thực hiện đổi mới phương thức tổ chức HĐTN, HN theo hướng đa dạng hoá và tăng cường tính liên kết giữa nhà trường và cộng đồng*” (ĐTB=2.76); “*Tổ chức tập huấn cho các lực lượng GD thực hiện các hình thức và phương pháp HĐTN, HN*” (ĐTB=2.77); “*Giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện đổi mới phương thức tổ chức HĐTN, HN*” (ĐTB=2.83) và “*Tăng cường phối hợp với các lực lượng xã hội trong việc đa dạng hoá các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN cho HS*” (ĐTB=2.88).

Từ đánh giá trên, có thể thấy CBQL của trường THCS trên địa bàn huyện Đức Trọng cơ bản đã có những quan tâm đến việc đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN, tuy nhiên mức độ và kết quả thực hiện các biện pháp quản lý chưa cao. Đa số Hiệu trưởng chỉ tổ chức quản lý chung ở mức chỉ đạo, quán triệt hướng dẫn hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN, HN trong nhà trường, chưa mở rộng ra phối hợp lực lượng ngoài nhà trường để làm phong phú thêm các hình thức tổ chức HĐTN, HN. Do đó kết quả thực hiện HĐTN, HN cho HS các trường chưa đạt hiệu quả. Từ thực trạng này, các nhà quản lý cần tìm các biện pháp để thúc đẩy GV thường xuyên đổi mới phương thức tổ chức HĐTN, HN cho phù hợp với nội dung, hình thức, đặc điểm HS của nhà trường, phối hợp tổ chức HĐTN, HN cả trong và ngoài nhà trường để đạt hiệu quả cao nhất.

3.4. Thực trạng quản lý phối hợp lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường THCS

Bảng 4. CBQL, GV đánh giá quản lý công tác phối hợp các lực lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Ban giám hiệu chủ động phối hợp với GVCN - GVBM, Tổ tư vấn tâm lý học đường, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên... trong việc tổ chức HĐTN, HN cho HS	0.0	0.0	25.0	61.7	13.3	3.88	0.45
2	GVCN chủ động phối hợp với GV bộ môn, Tổ tư vấn tâm lý học đường, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên... trong việc tổ chức HĐTN, HN	0.0	0.0	36.7	46.7	16.7	3.80	0.50
3	Tổ tư vấn tâm lý học đường, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên, Hội thanh niên chủ động phối hợp với GVCN, GV dạy HĐTN, HN	0.0	15.0	36.7	36.7	11.7	3.45	0.71
4	Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và gia đình học sinh trong thực hiện HĐTN, HN	16.7	17.5	23.3	30.8	11.7	3.03	1.28
5	Nhà trường phối hợp với các hội đoàn thể, ban ngành địa phương trong thực hiện HĐTN, HN	18.3	18.3	20.8	28.3	14.2	3.02	1.34
ĐTB chung							3.49	0.80

Qua kết quả khảo sát bảng 4 cho thấy các nội dung quản lý phối hợp các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN, HN cho HS được đánh giá chung đạt mức Khá nhưng ĐTB thấp (ĐTB chung = 3.49), các nội dung cụ thể được đánh giá với ĐTB dao động từ 3.02 – 3.88. Có 3 nội dung được đánh giá đạt mức Khá, trong đó nội dung được đánh giá cao nhất là: “Ban giám hiệu chủ động phối hợp với GVCN - GV bộ môn, Tổ tư vấn tâm lý học đường, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên... trong việc tổ chức HĐTN, HN cho HS” (ĐTB=3.88); tiếp đến là nội dung “GVCN chủ động phối hợp với GV bộ môn, Tổ tư vấn tâm lý học đường, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên... trong việc tổ chức HĐTN, HN” (ĐTB=3.80)...

Tuy nhiên, sự phối hợp với các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường chưa được đánh giá cao, chỉ đạt mức Trung bình. Chẳng hạn: “Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và gia đình học sinh trong thực hiện HĐTN, HN” (ĐTB=3.03) (có đến 34,2% đánh giá mức Yếu và Không thực hiện); “Nhà trường phối hợp với các hội đoàn thể, ban ngành địa phương trong thực hiện HĐTN, HN” (ĐTB=3.02, 36,6% đánh giá mức Yếu và Không thực hiện). Như vậy có thể thấy sự phối hợp nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ HS và gia đình HS, với các hội đoàn thể, ban ngành địa phương trong thực hiện HĐTN, HN chưa tốt, chưa thường xuyên và chưa hiệu quả.

Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện HĐTN, HN trong các nhà trường, đòi hỏi các nhà quản lý cần cần nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế và tìm ra những giải pháp hữu hiệu để quản lý và thúc đẩy sự phối hợp các lực lượng trong tổ chức HĐTN, HN nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

3.5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 5. CBQL, GV đánh giá thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS ở các trường THCS

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí, đầu tư CSVC cho HĐTN, HN	0.0	1.7	40.0	45.0	13.3	3.70	0.53
2	Chuẩn bị đầy đủ CSVC và phương tiện phục vụ HĐTN, HN	0.0	3.3	55.0	31.7	10.0	3.48	0.54
3	Tổ chức bảo quản, khai thác, sử dụng có hiệu quả các CSVC, phương tiện phục vụ cho HĐTN, HN	0.0	5.0	33.3	45.0	16.7	3.73	0.60
4	Huy động có hiệu quả kinh phí cho hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	15.8	23.3	20.8	25.8	14.2	2.99	1.31
5	Đẩy mạnh công tác xã hội hóa để tăng nguồn kinh phí phục vụ cho HĐTN, HN	21.7	26.7	17.5	25.0	9.2	2.73	1.30
ĐTB chung							3.33	0.86

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, CBQL, GV đánh giá chung thực trạng quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ tổ chức HĐTN, HN đạt mức độ Trung bình với ĐTB chung = 3.33, các nội dung cụ thể được đánh giá khá thấp với ĐTB dao động từ 2.73 – 3.73. Có 03 nội dung được đánh giá mức Khá, trong đó nội dung được đánh giá cao nhất là: “*Tổ chức bảo quản, khai thác, sử dụng có hiệu quả các CSVC, phương tiện phục vụ cho HĐTN, HN*” nhưng ĐTB = 3.73; tiếp theo là “*Xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí, đầu tư CSVC cho HĐTN, HN*” (ĐTB=3.70). Các nội dung khác chỉ được đánh giá ở mức Trung bình với ĐTB thấp. Đó là: “*Huy động có hiệu quả kinh phí cho hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*” (ĐTB=2.99) và “*Đẩy mạnh công tác xã hội hóa để tăng nguồn kinh phí phục vụ cho HĐTN, HN*” (ĐTB = 2.73). Tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức Yếu và Không thực hiện rất cao với mức tương ứng cho 2 nội trên là 39,1% và 48,4%.

Qua phân tích trên, dễ dàng nhận thấy công tác quản lý chủ yếu chú trọng việc bảo quản, khai thác sử dụng các CSVC, phương tiện có sẵn phục vụ HĐTN, HN, còn các biện pháp khác chưa được quan tâm thực hiện đúng mức. Lý do được đưa ra ở đây là do những nội dung khó thực hiện vì có liên quan đến tài chính đòi hỏi phải có chủ trương, có văn bản cho phép thực hiện đồng thời công tác xã hội hóa gặp khó khăn do có một số đơn vị trường học ở vùng ven, vùng sâu, vùng xa, nhân dân còn nghèo, không có các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn và thiếu cơ chế để huy động nguồn đóng góp của phụ huynh học sinh cho HĐTN, HN. Bên cạnh đó, còn một số CBQL chưa coi HĐTN, HN là hoạt động chính trong chuyên môn nên ít đầu tư kinh phí mà chủ yếu tập trung cho hoạt động dạy học trên lớp. Rõ ràng, công tác quản lý các điều kiện, phương tiện phục vụ tổ chức HĐTN, HN ở các trường THCS huyện Đức Trọng còn khá nhiều hạn chế và bất cập, nhất là việc huy động các nguồn lực xã hội. Đòi hỏi các cấp quản lý cần phải thay đổi quan niệm và tìm ra biện pháp để giải quyết triệt để những tồn tại nêu trên.

3.6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 6. CBQL, GV đánh giá thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Chỉ đạo GV xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN, HN của HS một cách khách quan, toàn diện, phù hợp với từng hoạt động cụ thể.	0.0	5.0	30.0	47.5	17.5	3.78	0.60
2	Tiêu chuẩn đánh giá phải hài hoà, cân đối các mặt năng lực và phẩm chất của HS	21.7	18.3	26.7	24.2	9.2	2.81	1.28
3	Chỉ đạo GV thực hiện đa dạng hoá việc đánh giá thường xuyên, định kỳ và đánh giá tổng kết	19.2	16.7	24.2	21.7	18.3	3.03	1.38
4	Chỉ đạo GV thực hiện đa dạng hoá hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp với đặc điểm học sinh từng trường, từng lớp và từng hoạt động cụ thể	20.8	15.8	22.5	20.8	20.0	3.03	1.42
5	Sử dụng kết quả để khẳng định mức độ đạt được về mặt phẩm chất và năng lực của HS, để xếp loại HS và thực hiện việc thi đua, khen thưởng một cách công bằng	0.0	0.0	28.3	50.8	20.8	3.93	0.50
6	Sử dụng kết quả đánh giá cuối mỗi học kì và cuối năm học	0.0	1.7	38.3	49.2	10.8	3.69	0.53
7	Sử dụng kết quả đánh giá kích thích sự tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh	17.5	14.2	40.0	20.0	8.3	2.88	1.17
ĐTB chung							3.31	0.98

Kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy, công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN, HN được đánh giá chung đạt mức Trung bình với ĐTB chung = 3.31, các nội dung cụ thể được đánh giá đạt mức Trung bình và Khá với ĐTB dao động từ 2.81 – 3.93.

Có 03 nội dung khảo sát được đánh giá đạt mức Khá nhưng ĐTB thấp như: “*Sử dụng kết quả để khẳng định mức độ đạt được về mặt phẩm chất và năng lực của HS, để xếp loại HS và thực hiện việc thi đua, khen thưởng một cách công bằng*” (ĐTB=3.93); “*Chỉ đạo GV xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN, HN của HS một cách khách quan, toàn diện, phù hợp với từng hoạt động cụ thể*” (ĐTB=3.78); “*Sử dụng kết quả đánh giá cuối mỗi học kì và cuối năm học*” (ĐTB=3.63).

Tuy nhiên, các nội dung khác không được đánh giá cao, chỉ đạt mức Trung bình: “*Tiêu chuẩn đánh giá phải hài hoà, cân đối các mặt năng lực học và phẩm chất của học sinh*” (ĐTB= 2.81, tỉ lệ đánh giá ở mức

“chưa thực hiện”, “thực hiện ở mức yếu là 40%); “Chỉ đạo GV thực hiện đa dạng hoá việc đánh giá thường xuyên, định kỳ và đánh giá tổng kết” (ĐTB=3.03, tỉ lệ đánh giá mức 1 và 2 là 35,9%); “Chỉ đạo GV thực hiện đa dạng hoá hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp với đặc điểm học sinh từng trường, từng lớp và từng hoạt động cụ thể” (ĐTB=3.03); “Sử dụng kết quả đánh giá kích thích sự tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh” (ĐTB=2.88). Kết quả đó cho thấy, việc thực hiện các nội dung quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN, HN của HS ở các trường THCS huyện Đức Trọng còn khá nhiều hạn chế và bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đánh giá năng lực và phẩm chất HS. Có rất nhiều nguyên nhân từ chủ quan đến khách quan đòi hỏi các nhà quản lý giáo dục có các biện pháp quản lý tích cực, phù hợp để việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện toàn diện và hiệu quả hơn.

4. KẾT LUẬN

Công tác quản lý HĐTN, HN của HS ở các trường THCS huyện Đức Trọng trong thời gian qua đã được chú trọng và đã đạt được một số thành tựu trên nhiều mặt. Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới của Chương trình GDPT 2018, công tác này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trên nhiều nội dung quản lý, nhất là việc đa dạng hoá nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động, năng lực của cán bộ quản lý và của giáo viên, sự phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh HS và các lực lượng xã hội trong việc tổ chức HĐTN, HN. Những bất cập này là những tiền đề rất quan trọng để các nhà quản lý các trường THCS huyện Đức Trọng tìm tòi và thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả HĐTN, HN cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình GDPT 2018 trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Tài liệu tập huấn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Bùi, N. D. (2015). Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (113).
- Đinh, T. K. T. (2016). *Chương trình hoạt động trải nghiệm*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Đỗ, N. T. (2015). Hoạt động trải nghiệm sáng tạo từ kinh nghiệm giáo dục quốc tế và vấn đề của Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (115).
- Nguyễn, T. L. (Chủ biên), Nguyễn, T. H., Tường, D. H., & Đào, T. N. M. (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. K. D., & Nguyễn, T. H. (2014). *Một số phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh phổ thông*. Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn, Q. V., & Lê, X. Q. (2017). *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học* (Tập 1-2). Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Quốc hội. (2014). *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.

Current status of managing experiential and career guidance activities for students in lower secondary schools in Duc Trong district, Lam Dong province

Tran Van Hieu¹, Duong Thi Thu Nga²

¹University of Education, Hue University

²Tran Phu Lower Secondary School, Duc Trong District, Lam Dong Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received 27 September 2024

Received in revised form 25 November 2024

Accepted 27 November 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Experiential and career guidance activities
Management

Secondary schools

Duc Trong district

Lam Dong province

Corresponding author:

Tran Van Hieu

E-mail address:

tranvanhieu@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

Experiential and career guidance activities are compulsory educational activities in the 2018 General Education Program. In recent school years, secondary schools in Duc Trong district, Lam Dong province have attached great importance to organizing experiential and career guidance activities for students and have achieved remarkable results; however, due to many subjective and objective reasons, these activities have not achieved the desired results, including reasons related to school management. This article presents the results of a survey on the current status of experiential and career guidance management for students in secondary schools in Duc Trong district, Lam Dong province in terms of: managing goals, content, forms, methods, coordinating forces, conditions and managing inspection and evaluation of the results of experiential and career guidance activities for students. The survey results provide a practical basis for establishing appropriate management measures to improve the effectiveness of experiential and career guidance activities for students, contributing to improving the quality of comprehensive education in secondary schools in Duc Trong district, Lam Dong province.
